TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **02**/2019/QĐST-HNGĐ	*C, ngày 02 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ các Điều 212, 213, 396, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 649/2018/TLST-VDS ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

  Anh **Nguyễn Minh S**, sinh năm 1986

  Chị **Tô Mỹ N**, sinh năm 1990

Cùng nơi cư trú: Số 9E, ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Minh S và chị Tô Mỹ N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 11/10/2010 ở Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống thì anh S và chị N phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã. Nên hôn nhân giữa anh S và chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nay anh S và chị N cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do đó, có căn cứ công nhận thuận tình ly hôn cho anh S và chị N theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Quá trình hôn nhân anh S và chị N có một con chung tên Nguyễn Thiên A, sinh ngày 09/09/2015. Sau khi ly hôn anh S và chị N thống nhất

giao con chung cho anh S nuôi dưỡng và chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Anh S và chị N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh S và chị N khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, anh Nguyễn Minh S và chị Tô Mỹ N chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Minh S và chị Tô Mỹ N. Quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị N chấm dứt kể từ ngày Tòa án ban hành quyết định công nhận thuận tình ly hôn. Ghi nhận anh Nguyễn Minh S và chị Tô Mỹ N không yêu cầu về cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Minh S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thiên A, sinh ngày 09/09/2015. Ghi nhận chị Tô Mỹ N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 (Một triệu)đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị Tô Mỹ N quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Minh S và chị Tô Mỹ N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Nguyễn Minh S và chị Tô Mỹ N khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về Lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, anh Nguyễn Minh S và chị Tô Mỹ N chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà anh S và chị N đã nộp là 300.000(Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0020623 ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND H.Châu Thành;
- Chi cục THADS H.C ;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện C;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Võ Ngọc Cẩm Sơn